



BẢNG THÔNG KÊ KHỐI LƯỢNG THÉP HÌNH						
CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG		KHỐI LƯỢNG (kg)
				1 CK	T. BỘ	
DAM T2 (SL: 1)	DP1	H-200x100x6x8	2780	1	1	59.0
	DP2	H-200x100x6x8	3680	4	4	312.5
	DP3	H-250x100x6x8	3780	1	1	89.
	DP4	H-250x100x6x8	3680	1	1	86.8
	DP5	H-200x100x6x8	1480	2	2	62.8
	DP6	H-200x100x6x8	3780	2	2	160.5
	DP7	H-250x150x6x8	3780	1	1	112.9
	DP8	H-250x150x6x8	1480	1	1	44.2
	DP9	H-250x150x6x8	3680	1	1	109.9
	DP10	H-250x150x6x8	3780	1	1	112.9
	DP11	H-250x150x6x8	680	1	1	20.3
	DP12	H-250x150x6x8	1530	1	1	45.7
	DP13	H-250x150x6x8	3780	2	2	225.8
	DP14	H-150x100x6x6	980	4	4	62.4
	DP14*	H-150x100x6x6	1580	4	4	100.6
	DP15	H-200x100x6x8	1830	2	2	77.7
	DP16	H-250x150x6x8	3780	1	1	112.9
	DP17	H-250x150x6x8	1830	1	1	54.6
	DC1	H-250x200x8x8	2758	2	2	219.6
	DC2	H-250x200x8x8	3658	7	7	1019.5
	DC3	H-250x200x8x8	3744	3	3	447.2
	DC4	H-250x200x8x8	1636	2	2	130.3
	DC5	H-350x200x8x10	3676	1	1	191.6
	DC6	H-350x200x8x10	3762	1	1	196.1
	DC7	H-350x200x8x10	7768	1	1	404.9
	DC8	H-250x200x8x8	2672	3	3	319.2
	DC9	H-250x200x8x8	2644	2	2	210.5
	DC10	H-250x200x8x8	3744	4	4	596.3
	DC11	H-250x200x8x8	1822	1	1	72.5
	DC12	H-250x200x8x8	1830	2	2	145.7
	DC13	H-250x200x8x8	3772	2	2	300.4
	DC14	H-250x200x8x8	972	1	1	38.7
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (kg): 6143.1					